

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 15/2018/HNGĐ-PT

Ngày 27-4-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Tô Giang

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Sơn

Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Hồ Văn Ta -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLPT-HNGĐ ngày 26
tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 104/2017/HNGĐ-ST ngày 14
tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 82/2018/QĐPT-
HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A,

Địa chỉ cư trú: khóm N, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn B,

Địa chỉ cư trú: đường O, khóm Q, phường R, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Dương Văn C

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Anh Lê Văn B là bị đơn trong vụ án.

Chị A, anh B, ông C có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm, chị Nguyễn Thị A và anh Lê Văn B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2015, do quen biết nên chị A và anh B tìm hiểu, yêu thương nhau và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới và không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, giữa chị A và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, chị A cho rằng anh B có quan hệ tình cảm với người khác dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do đó, chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ giữa chị A với anh B là vợ chồng. Anh Lê Văn B thống nhất lời trình bày của chị A về thời gian, điều kiện đi đến việc chung sống với nhau như vợ chồng. Thời gian đầu anh B và chị A chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do chị A có quan hệ tình cảm với người khác. Nay, anh B đồng ý theo yêu cầu của chị A về việc không công nhận chị A với anh B là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống, chị A với anh B có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn D, sinh ngày 16/5/2017. Hiện tại chị A đang là cộng tác viên của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, thu nhập bình quân của chị khoảng 7.500.000 đồng/tháng. Sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị A có cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm 02 hợp đồng cộng tác viên với Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và Tư vấn Tây Việt Nam và Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife Việt Nam. Do cháu D còn nhỏ nên chị A có yêu cầu xin được chăm sóc, nuôi dạy con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh B không đồng ý giao con chung cho chị A nuôi dạy với lý do chị A không đủ điều kiện nuôi con, cháu D hiện do anh B nuôi dưỡng, chăm sóc nên anh B có yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu D, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị A, anh B thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 104/2017/HNGĐ-ST ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố X đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 9, 14, 15, 16, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị A với anh Lê Văn B.

[2] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Lê Văn B có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn D, sinh ngày 16/5/2017. Chị Nguyễn Thị A được quyền nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn D, sinh ngày 16/5/2017. Buộc anh Lê Văn B phải có trách nhiệm giao lại con chung tên Nguyễn Văn D, sinh ngày 16/5/2017 cho chị Nguyễn Thị A chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị A phải tạo điều kiện cho anh Lê Văn B thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Anh Lê Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị A không yêu cầu.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Lê Văn B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/12/2017, bị đơn anh Lê Văn B làm đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu được nuôi dạy con chung Nguyễn Văn D, sinh ngày 16/5/2017, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, anh Lê Văn B có yêu cầu ông Dương Văn C làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Lê Văn B vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Chị A và anh B đều đồng ý công khai bản án theo quy định.

Phản tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Dương Văn C, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo Lê Văn B, trình bày: căn cứ vào lời khai của các đương sự cho thấy từ hơn 10 tháng nay, cháu D do anh B trực tiếp nuôi. Tuy khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, nhưng chị A phải nuôi một đứa con 06 tuổi, trong khi thu nhập chỉ khoảng 07 triệu/tháng nên điều kiện nuôi cháu D sẽ khó hơn. Thu nhập anh B ổn định, đứa bé không cần bú sữa mẹ, luật Việt Nam không có quy định phải chứng minh thu nhập nên anh B không phải chứng minh thu nhập. Anh B và chị A tranh chấp nuôi con đều xuất phát từ tình thương con. Nhằm tạo điều kiện cho đứa bé phát triển bình thường, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc quyết định giao đứa bé cho người nào nuôi là phù hợp dựa trên quyền lợi mọi mặt của con, nên giao con cho anh Lê Văn B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Lê Văn B đồng ý với trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, không có ý kiến bổ sung.

Chị Nguyễn Thị A trình bày: không đồng ý với phát biểu của ông Dương Văn C. cháu D từ khi sinh ra là do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh B đến nhà bế cháu D đi. cháu D ở tại nhà anh B đến nay là 08 tháng 06 ngày. Anh B không trực tiếp chăm sóc con, cháu D do bà nội chăm sóc, những khi cháu bệnh là do chị A đến chăm sóc. Với điều kiện công việc hiện nay, chị A bảo đảm điều kiện để nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cháu D cho chị nuôi do cháu đến nay vẫn chưa được 12 tháng tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tính hợp pháp của kháng cáo: bị đơn Lê Văn B kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn nên Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử; các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về xem xét nội dung kháng cáo nhận thấy: anh Lê Văn B và chị Nguyễn Thị A sống chung và không đăng ký kết hôn, có một con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2017. Chị A và anh B đều yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng, giao con cho chị A nuôi dưỡng là có cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 vì cháu D hiện nay chưa được 12 tháng tuổi. Anh B kháng cáo cho rằng chị A không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nhưng không có căn cứ chứng minh. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Văn B, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 104/2017/HNGĐ-ST ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Văn B về yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn D, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2017 với lý do anh B cho rằng chị A không có thiện chí nuôi con và không đủ điều kiện nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là nghĩa vụ và quyền của cha mẹ. Tuy nhiên, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.

[2.2] Tại phiên tòa hôm nay, anh B không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lê Văn B trình bày anh B không buộc phải chứng minh thu nhập, nhưng lại cho rằng thu nhập được chứng minh qua 02 hợp đồng của chị A là không đủ để nuôi con, điều kiện nuôi sẽ khó hơn. Lập luận trên chưa nêu được những căn cứ pháp luật đề nghị áp dụng, không có chứng cứ chứng minh nên không đủ cơ sở để xem xét chấp nhận.

[2.3] Trong khi đó, căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và qua quá trình tranh tụng, chị A đã chứng minh mình đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, cụ thể:

Về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con: theo 02 hợp đồng cộng tác viên (với Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Tư vấn Tây Việt Nam và Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife Việt Nam) có cơ sở xác định chị A có công việc ổn định, có thu nhập và thời gian chăm sóc trực tiếp cho cháu D (do tính chất công việc không bắt buộc chị A phải trực tiếp làm việc tại công ty).

Về tình cảm yêu thương con của người mẹ: trong quá trình mang thai, sinh con và cho đến khi con bị gia đình anh B đưa về nhà nuôi dưỡng, chị A luôn thực hiện tốt nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con của người mẹ. Mặc dù cháu D ở nhà anh B, nhưng khi con bệnh, chị đều đến chăm sóc con. Việc không được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là chuyện ngoài ý muốn của chị (theo kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố X tại Công an phường P ngày 19/10/2017 thì ngày 11/8/2017 chị A có đến Công an phường P trình báo việc anh B cùng gia đình có đến nhà chị A dùng vũ lực để bắt cháu Nguyễn Văn D về nhà anh B nuôi dưỡng).

[2.4] Cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2017, nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ.

[2.5] Chính vì vậy, xét quyền lợi mọi mặt của cháu Nguyễn Văn D, việc Tòa án nhân dân thành phố X giao cháu D cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Lê Văn B kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở để xem xét. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Văn B, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 104/2017/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố X.

[3] Về án phí phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh B phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng

án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003804 ngày 27/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo về yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 16/5/2017 của anh Lê Văn B

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 104/2017/HNGĐ-ST, ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố X.

Chị Nguyễn Thị A được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 16/5/2017. Anh Lê Văn B không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung do chị A không có yêu cầu.

Buộc anh Lê Văn B phải có trách nhiệm giao lại con chung tên Nguyễn Văn D, sinh ngày 16/5/2017 cho chị Nguyễn Thị A chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị A cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Văn B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn D.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí phúc thẩm: Anh Lê Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003804 ngày 27/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

Đối với phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 104/2017/HNGĐ-ST ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố X không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND Tp.Long Xuyên;
- Chi cục THADS Tp.Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh;
- Lưu: Tòa Dân sự; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Tố Giang

